TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày 30 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà*;*

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Trần Thị Thuý.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh 10/6/2000; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn C, sinh 1971 và bà Lường Thị K, sinh 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Phạm Văn Q, sinh 12/12/1995; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt từ ngày 05/10/2023; con ông Phạm Văn L, sinh 1968 và bà Nguyễn Thị S, sinh 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Trần Văn C, sinh 1971; nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

Chị Lường Thị H, sinh 2002; nơi cư trú: Bản P, xã B, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 20 phút, ngày 27/9/2023 Tổ công tác phòng PC04 Công an tỉnh Sơn La phối hợp cùng Công an xã M làm nhiệm vụ tại Tiểu khu 1, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La phát hiện Phạm Văn Q có dấu hiệu vi phạm pháp luật, đã yêu cầu kiểm tra. Khi bị kiểm tra Phạm Văn Q đã lấy trong túi quần đang mặc ra giao nộp 01 gói giấy bạc bên trong có 10 viên nén màu hồng hình tròn và khai nhận đó là ma tuý mua của Trần Văn T ở bản Mường Kham, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La với số tiền 500.000VNĐ, để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, niêm phong vật chứng, thu giữ 01 căn cước công dân, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE6S màu đen, kèm sim số 0969790668, dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Sơn La điều tra làm rõ, cùng ngày tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Q nhưng không thu giữ gì thêm.

Trên cơ sở tài liệu thu thập được, vào hồi 16 giờ 40 phút ngày 27/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La bắt giữ đối với Trần Văn T, thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6, vỏ màu gold (không gắn sim); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, gắn sim số 0961068123. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trung, thu giữ: 01 túi nilon màu xanh bên trong có 73 viên nén màu hồng hình tròn; 01 căn cước công dân; 01 tẩu tự chế bằng lọ nhựa AVIA. Thực hiện mở niêm phong kiểm tra nội dung thông tin lưu trữ trong điện thoại của Q và T, kết quả có cuộc gọi đi đến giữa các số thuê bao 0969790668 và 0961068123, Q và T xác định đó là cuộc gọi trao đổi việc mua bán trái phép ma tuý.

Ngày 27/9/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Q và khi khám xét chỗ ở đối với T như sau:

10 viên nén màu hồng trong gói giấy bạc thu giữ với Phạm Văn Q có khối lượng: 0,88 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,47 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là Q1; còn lại 05 viên có khối lượng 0,41 gam ký hiệu Q.

73 viên nén màu hồng trong túi nilon màu xanh thu giữ với Trần Văn T có khối lượng là 6,68 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,44 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là T1; còn lại: 68 viên có khối lượng 6,24 gam ký hiệu T. Số vật chứng còn lại, 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon màu xanh, 01 vỏ giấy bạc được niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 29/9/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số: 2256/KL-KTHS, kết luận: "Mẫu ký hiệu Q1, T1 gửi giám định đều là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là Q1= 0,47 gam; T1= 0,44 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 7,56 gam; loại Methamphetamine".

Xác định thẩm quyền, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đề nghị chuyển vụ án hình sự cùng vật chứng kèm theo; ngày 08/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã ra Quyết định số 27/QĐ-VKS-P1, Quyết định chuyển vụ án hình sự để Cơ quan CSĐT Công an huyện M điều tra theo thẩm quyền.

Trần Văn T khai nhận: khoảng 10 giờ 00 phút ngày 09/9/2023, T mượn xe mô tô hiệu Honda SH 150, Biển kiểm soát (BKS) 26B2- 47856 của ông Trần Văn C, điều khiển đến khu bản Dửn, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La thì gặp và mua 01 gói ma tuý của người tên Tuấn (không biết họ, đệm, địa chỉ) với số tiền 800.000VNĐ về cất giữ mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Khoảng 11 giờ ngày 27/9/2023, Trung nhận được điện thoại của Q, trao đổi qua điện thoại Q nói với T "có ma tuý bán không? lấy cho một ít" T hỏi " lấy bao nhiêu", Q nói " cho 500.000VNĐ nhưng chưa có tiền trả" T nói "khi nào có tiền trả cũng được"; sau khi thống nhất T lấy 10 viên ma tuý gói vào giấy bạc và bán cho Q, số ma tuý còn lại bị khám xét thu giữ.

Thực hiện điều tra, xác minh đối với Tuấn người bán trái phép chất ma túy cho T nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác; thu giữ và xác minh nguồn gốc phương tiện đối với xe mô tô BKS 26B2- 47856, là tài sản của ông Trần Văn C, việc T sử dụng khi phạm tội ông C không biết, đề nghị xin nhận lại chiếc xe. Ngày 12/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã quyết định trả lại xe mô tô cho ông Trần Văn C.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-ML ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Phạm Văn Q về tội "Tàng trữ phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội với mục đích mua ma túy cất giữ để sử dụng và bán cho người khác kiếm lời thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà bị cáo Phạm Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do đã dùng thử một lần nên mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyến bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; tuyến bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Tàng trữ phép chất ma túy". Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 14 đến 20 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ: 0,41 gam Methamphetamine ký hiệu Q; 01 vỏ giấy bạc và sim số 0961068123 của Phạm Văn Q; 6,24 gam Methamphetamine ký hiệu T; 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon màu xanh, 01 tẩu tự chế bằng lọ nhựa AVIA của Trần Văn T;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu IPHONE6S màu đen, kèm sim số 0969790668 của Phạm Văn Q;

Trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6, vỏ màu gold (không gắn sim) và 01 căn cước công dân cho Trần Văn T; 01 căn cước công dân cho Phạm Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu đen cho chị Lường Thị H. Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại xe máy Honda SH 150, BKS 26B2-47856, cho ông Trần Văn C. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Trần Văn T tự chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phạm Văn Q tự chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội, xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn C ý kiến tranh luận: đã nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lường Thị H, đề nghị xét xử vắng mặt, xin nhận lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác đinh hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: khoảng 10 giờ 00 phút ngày 09/9/2023, bị cáo Trần Văn T điều khiển xe mô tô BKS 26B2- 47856 của ông Trần Văn C, đến bản Dửn, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, gặp và mua 01 gói ma tuý của người tên Tuấn về cất giữ mục đích để sử dụng và bán kiếm lời; thực tế khoảng 11 giờ ngày 27/9/2023, Q gọi điện thoại nói với T "có ma tuý bán không? lấy cho một ít" T hỏi " lấy bao nhiêu", Q nói "cho 500.000VNĐ nhưng chưa có tiền trả" T nói "khi nào có tiền trả cũng được"; sau khi thống nhất Q đến nhà T nhận 01 gói ma tuý mang về nhà cất giữ thì bị Tổ công tác phòng PC04 Công an tỉnh Sơn La phối hợp cùng Công an xã M phát hiện, Phạm Văn Q đã giao nộp 01 gói giấy

bạc bên trong là 10 viên nén màu hồng và khai đó là ma tuý mua được của T. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Q và bắt giữ Trần Văn T, khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, thu giữ: 01 túi nilon màu xanh bên trong có 73 viên nén màu hồng hình tròn. Tại kết luận giám định số 2256/KL-KTHS, ngày 29/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "Mẫu ký hiệu Q1, T1 gửi giám định đều là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là Q1= 0,47 gam; T1= 0,44 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 7,56 gam; loại Methamphetamine". Như vậy, Trần Văn T và Phạm Văn Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Phạm Văn Q đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép 0,88 gam chất ma túy để sử dụng cho bản thân, còn Trần Văn T đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép tổng 7,56 gam chất ma túy để sử dụng và bán kiếm lời (đã bán trái phép chất ma tuý cho Quang 01 lần) là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine… có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam".

Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine… có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: các bị cáo đã được tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma tuý nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì sử dụng trái phép ma túy và vụ lợi các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là độc lập nhưng có mối quan hệ nhân quả với nhau, trong đó Trần Văn T là người vừa cất giấu, cất giữ, vừa bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn Q nhằm mục đích tư lợi cá nhân, kiếm lời; còn Phạm Văn Q mua và cất giữ trái phép ma túy để sử dụng là tiếp tay cho hành vi phạm tội của T. Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; hành vi phạm tội của Q là nghiêm trọng, còn hành vi phạm tội của Trung là rất nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương mà còn là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện

kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sư: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sư, nhân thân: Các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt) là người dân lao động, nhận thức pháp luật hạn chế, cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang bị cáo Phạm Văn Q đã khai ra người bán ma tuý (bị cáo Trần Văn T) là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên xét cho bị cáo Phạm Văn Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, chính quyền địa phương xác định các bị cáo không chấp hành quy định của địa phương nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: các bị cáo không có tài sản giá trị nên không phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Trung, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của bị cáo Trung nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,91 gam Methamphetamine không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 0,41 gam Methamphetamine ký hiệu Q, thu giữ của Phạm Văn Q và 6,24 gam Methamphetamine ký hiệu T, thu giữ của Trần Văn T, còn lại là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

02 vỏ phong bì, 01 túi nilon, 01 vỏ giấy bạc, 01 tẩu tự chế, bị cáo Trung và Quang đã sử dụng làm phương tiện cất giữ trái phép chất ma tuý; sim điện thoại số 0961068123 của bị cáo Trung là vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6S màu đen, kèm sim điện thoại số 0969790668 là tài sản của bị cáo Q, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6, vỏ màu gold (không gắn sim) là tài sản của bị cáo T, bị cáo T xác định điện thoại đã bị hỏng không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội; 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn T và 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q là giấy tờ tuỳ thân, cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart là tài sản của chị Lường Thị H; chị H không biết việc bị cáo sử dụng đi phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Theo lời khai nhận giữa bị cáo T và Q có trao đổi mua bán trái phép chất ma tuý với số tiền 500.000VNĐ nhưng chưa trả tiền nên không có căn cứ truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150, BKS 26B2- 47856 là tài sản của ông Trần Văn C; ông C không biết việc bị cáo sử dụng đi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ và trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo không có căn cứ miễn, giảm nộp tiền án phí nên buộc phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

Bị cáo Trần Văn T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (27/9/2023); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn Q 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (27/9/2023); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 0,41 gam Methamphetamine ký hiệu Q và 01 vỏ giấy bạc của Phạm Văn Q; 6,24 gam Methamphetamine ký hiệu T; 02 vỏ phong bì; 01

túi nilon màu xanh; 01 tẩu tự chế bằng lọ nhựa AVIA và sim điện thoại số 0961068123 của Trần Văn T.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6S, kèm sim điện thoại số 0969790668 của Phạm Văn Q.

Trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6, vỏ màu gold và 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn T cho Trần Văn T; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q cho Phạm Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart cho chị Lường Thị H (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) đối với một bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/01/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà